TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành pố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-KDTM ngày 08/6/2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 07/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐTS-KDTM ngày 28/8/2023 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 02/2023/QĐTS-KDTM ngày 15/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**. Trụ sở: 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Nguyễn Gia V**, chức vụ: Phó Phòng giao dịch, địa chỉ: Số F đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn C1**. Địa chỉ: Đường số F KCN H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện: Ông **Võ Lê Phú C**, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Nguyễn Đức T**. Địa chỉ: số A đường D, quận C, TP Đà Nẵng, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Duy T1**, sinh năm 1986 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Số B đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Nguyễn Gia V trình bày:*

Ngân hàng S có ký kết với Công ty C1 hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870 ngày 15/09/2020. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 01 ngày 20/04/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870-02 ngày 24/11/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 03 ngày 21/12/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 04 ngày 31/08/2022. Theo nội dung thỏa thuận thì Ngân hàng S cho Công ty C1 vay số tiền: 3.500.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 06 tháng theo từng giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 3.400.000.000 đồng cho Công ty C1 theo Giấy nhận nợ số: LD 2232700149 ngày 23/11/2022. Lãi suất: 14,3 %/năm, kỳ trả vốn vào ngày 23/05/2023.

Để đảm bảo số tiền vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên của Công ty C1 thì ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N đã dùng tài sản của mình thế chấp để bảo lãnh vay vốn tại Ngân hàng S như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 19 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H06258 do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/10/2008, theo Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số công chứng: 3974 ngày 15 tháng 09 năm 2020 tại Văn Phòng Công Chứng H, thành phố Đà Nẵng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ Khu S - Trung tâm đô thị mới T, phường H, quận L, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN820561 do UBND quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 22/9/2008, theo Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số công chứng: 3977 ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại Văn Phòng Công Chứng H, Tp Đà Nẵng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00544 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 14/5/2010, theo Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số công chứng: 3976 ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại Văn Phòng Công Chứng H, Tp Đà Nẵng.

Trong quá trình vay vốn, Công ty C1 không thực hiện đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Công ty C1 vẫn không có thiện chí trả nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng S.

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Công ty C1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 2.525.024.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.240.000.000 đồng; Lãi chuyển quá hạn: 50.618.082 đồng; Lãi quá hạn phát sinh: 232.529.754 đồng; Lãi phạt: 1.876.555 đồng. Nếu Công ty C1 không trả toàn bộ số nợ nói trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Võ Lê Phú C trình bày*: Công ty C1 xác nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đ - PGD Liên Chiểu hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870 ngày 15/09/2020. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 01 ngày 20/04/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 02 ngày 24/11/2021; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 03 ngày 21/12/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 04 ngày 31/08/2022, để vay số tiền 3.500.000.000

đồng theo Giấy nhận nợ số: LD 2232700149 ngày 23/11/2022mục đích vay, thời hạn vay và lãi xuất vay như trình bày của đại diện ngân hàng là đúng.

Tài sản để đảm bảo cho số tiền vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên của Công ty C1 gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 19 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H06258 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 13/10/2008; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ Khu S - Trung tâm đô thị mới T, phường H, quận L, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN820561 do UBND quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 22/9/2008.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00544 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 14/5/2010.

Tính đến ngày 29/9/2023, Công ty C1 còn nợ Ngân hàng S số tiền là: 2.525.024.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.240.000.000 đồng; Lãi chuyển quá hạn: 50.618.082 đồng; Lãi quá hạn phát sinh: 232.529.754 đồng; Lãi phạt: 1.876.555 đồng.

Hiện nay Công ty C1 với vợ chồng ông Phan Duy T1, bà Nguyễn Thị N đang cố gắng thu xếp để trả nợ cho ngân hàng trong thời gian sớm. Trường hợp không trả được nợ thì Công ty C1 đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N để trả nợ cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Duy T1, bà Nguyễn Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại 70, 71, 72 Bộ luật tố

tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bị đơn Công ty C1, buộc Công ty C1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 2.240.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Trường hợp Công ty C1 không trả được nợ thì phát mãi tài sản của ông T1, bà N đã thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn Công ty C1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vay: 1.160.000.000 đồng và rút yêu cầu về việc phát mãi đối với hai tài sản:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 19 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H06258 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 13/10/2008 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00544 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 14/5/2010 đứng tên ông T1, bà N.

Xét việc rút yêu cầu của Ngân hàng V1 là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S và bị đơn Công ty C1 thống nhất như sau:

[2.1] Giữa ngân hàng và Công ty C1 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870 ngày 15/09/2020. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 01 ngày 20/04/2021 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 02 ngày 24/11/2021, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 03 ngày 21/12/2021, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202025620870- 04 ngày 31/08/2022. Số tiền vay của các hợp đồng nêu trên là 3.500.000.000 đồng; Mục đích vay để sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay; 6 tháng theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất đang áp dụng theo từng giấy nhận nợ; Các kỳ trả lãi vào ngày: 15 hàng tháng; Thời điểm phát sinh quá hạn: 25/05/2023. Ngân hàng S đã giải ngân số tiền vay 3.400.000.000đ cho Công ty C1 theo Giấy nhận nợ số: LD 2232700149 ngày 23/11/2022. Trong quá trình vay vốn, Công ty C1 không thực hiện đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng S đã nhiều lần, nhắc nhở nhưng Công ty C1 vẫn không có thiện chí trả nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng.

[2.2] Nay Ngân hàng S yêu cầu Công ty C1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 2.525.024.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.240.000.000 đồng; Lãi chuyển quá hạn: 50.618.082 đồng; Lãi quá hạn phát sinh: 232.529.754 đồng; Lãi phạt: 1.876.555 đồng. Nếu Công ty C1 không trả toàn bộ số nợ nói trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Xét thấy: Theo quy định tại mục 5.1, 5.2 Điều 5 và mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số: 202025620870 ngày 15/9/2020 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức được hai bên tự nguyện ký kết thì bị đơn Côn ty V2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi như đã cam kết. Do vậy nguyên đơn Ngân hàng S có quyền chấm dứt hợp buộc bị đơn Công ty C1 có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh như đã cam kết. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn Ngân hàng S buộc bị đơn ông Công ty C1 phải có nghĩa vụ trả số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 2.525.024.319 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.240.000.000 đồng; Lãi chuyển quá hạn: 50.618.082 đồng; Lãi quá hạn phát sinh: 232.529.754 đồng; Lãi phạt: 1.876.555 đồng.

[3] Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty C1 thì ông Phạm Duy T2, bà Nguyễn Thị N có thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ Khu S - Trung tâm đô thị mới T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN820561 do UBND quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 22/9/2008.

Căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số: 202025620870 ngày 15/09/2020 và tại Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Hợp đồng thế chấp tài sản (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số công chứng: 3977 ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại Văn Phòng Công Chứng H, thành phố Đà Nẵng giữa, Ngân hàng S và vợ chồng ông Phan Duy T1, bà Nguyễn Thị N. Thì bên thế chấp, đã thực hiện đăng ký thế chấp, giao dịch đảm bảo, phù hợp theo quy định tại Điều 317, 318, 323 của Bộ luật Dân sự. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2023 thì tài sản thế chấp tại thời điểm thế chấp và thời điểm hiện tại không có sự thay đổi, phù hợp với giấy chứng nhận được cấp. Từ những phân tích nêu trên việc Ngân hàng S yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp của ông Phan Duy T1, bà Nguyễn Thị N, trong trường hợp bị đơn Công ty C1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội là: 82.500.486 đồng.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 6.000.000 đồng Ngân hàng S đã nộp, đã chi Công ty C1 có nghĩa vụ phải trả lại cho Ngân hàng S số tiền nêu trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5; Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 317, 318, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn Công ty TNHH C1.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với số tiền: 1.160.000.000đ (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 19 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H06258 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 13/10/2008 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ Thôn V, xã H, huyện H, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00544 do UBND huyện H, TP Đà Nẵng cấp ngày 14/5/2010 đứng tên ông Phan Duy T1, bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc Công ty TNHH C1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền: 2.525.024.319đ *(Hai tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm mười chín đồng)* trong đó: Nợ gốc: 2.240.000.000đ *(Hai tỷ hai*

trăm bốn mươi triệu đồng); L chuyển quá hạn: 50.618.082đ *(Năm mươi triệu sáu trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng)*; Lãi quá hạn phát sinh: 232.529.754đ (Hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng); Lãi phạt: 1.876.555đ *(Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày 30.9.2023 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty TNHH C1 không trả được nợ vay, thì phát mãi tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ Khu S - Trung tâm đô thị mới T, phường H, quận L, TP . thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Duy T1 và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN820561 do UBND quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 22/9/2008 để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH C1 phải chịu 82.500.486đ *(T3 mươi hai triệu năm trăm nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 50.567.500đ (Năm mươi triệu năm trăm sáu bảy nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0000922 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* Công ty TNHH C1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cu trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các bên đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *Chi cục THADS quận Liên Chiểu;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng